

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2019

“V/v không công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Thương

Ông Thẩm Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc *“Không công nhận là vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T

Sinh năm 1973

Bị đơn: Chị Đinh Thị Đ

Sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Khu X, xã P, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có mặt, chị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Đinh Thị Đ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ từ năm 1992 nhưng đã mất giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 được khoảng 20 năm, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do 2 vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân 07 năm nay. Kể từ thời điểm đó đến nay 2 vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện YL không công nhận giữa anh và chị Đ là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh chị có 03 (ba) con chung: Con trai đầu tên là Hoàng Văn L, sinh ngày 12/02/1991, con trai thứ hai là Hoàng Văn D, sinh ngày 16/6/1994 và con gái Hoàng Thị T, sinh ngày 14/4/1999. Hiện nay cả 3 cháu đều đã trưởng thành và có cuộc sống, gia đình riêng. Nếu ly hôn thì các cháu muốn ở với ai thì tùy các cháu.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, Cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn*: Anh T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019, bị đơn chị Đinh Thị Đ trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị xác nhận thời điểm chị và anh T cưới có đăng ký kết hôn năm 1992, lúc đó ông M (không nhớ họ và tên) làm thủ tục đăng ký kết hôn tại nhà ông M, vợ chồng chị được cấp 01 bản chính, vì lâu quá nên chị không nhớ có ký vào sổ đăng ký kết hôn không. Sau đó gia đình chị bị mất trộm tài sản và mất luôn giấy đăng ký kết hôn. Anh chị có đến UBND xã Đ liên hệ để xác nhận hoặc cấp lại bản sao nhưng chị T làm công tác Tư pháp xã nói là không tìm thấy sổ, nên không thể cấp hoặc xác nhận việc đăng ký kết hôn được. Vợ chồng chung sống từ năm 1992 đến năm 2006 ly thân, lý do vợ chồng không hợp nhau nữa, hay cãi nhau và không còn tình yêu T nhau nên quyết định ly thân đã 13 năm nay, chị đã bỏ về gia đình mẹ đẻ của chị sống. Nay chị đề nghị được ly hôn anh T.

2. *Về con chung*: Chị Đ xác nhận vợ chồng có 03 con chung như anh T đã trình bày là đúng. Hiện các cháu muốn ở với ai tùy nguyện vọng của các cháu.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, Cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn*: Chị Đ xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

4. *Tại biên bản xác minh ngày 22/8/2019 với UBND xã Đ, huyện YL đã xác định*: Hiện tại sổ đăng ký kết hôn năm 1992 thì UBND xã không còn lưu giữ nên UBND xã không khẳng định anh Hoàng Văn T và chị Đinh Thị Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã hay không. Việc anh T và chị Đ có được cấp 01 bản chính đăng ký kết hôn hay không thì UBND xã không khẳng định được.

5. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*:

Thẩm phán, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Tại phiên tòa thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án: Anh T và chị Đ cưới từ năm 1992 và chung sống với nhau nhiều năm, mặc dù không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc đã đăng ký kết hôn, nhưng căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ là sổ hộ khẩu thì cần xác định mối quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Đ. Trong quá trình chung sống hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Hai bên đã ly thân từ nhiều năm nay, hiện nay anh T và chị Đ đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xử: Cho anh Hoàng Văn T và chị Đinh Thị Đ

được ly hôn. Về con chung, vì các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên việc ở với anh T hay chị Đ là tùy các cháu nên không xem xét giải quyết. Đối với quan hệ về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, cấp dưỡng giữa vợ và chồng thì cả anh T và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Hoàng Văn T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân (TAND) huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết ly hôn với chị Đinh Thị Đ. Căn cứ khoản 7 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/8/2019, chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bên cạnh đó, cùng ngày anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mối quan hệ hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 của BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định tại các Điều 171, 172, 174, 175 và 177 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay chị Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 1992, anh Hoàng Văn T và chị Đinh Thị Đ được gia đình tổ chức lễ cưới và trình bày có đăng ký kết hôn nhưng bản chính đăng ký kết hôn các bên không cung cấp được vì lý do bị mất cũng như biên bản xác minh ngày 22/8/2019 tại UBND xã Đ thì hiện nay không có căn cứ nào để xác định mối quan hệ giữa anh Hoàng Văn T và chị Đinh Thị Đ là vợ chồng theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 là thời điểm luật được áp dụng, thi hành.

Như vậy, với sự kiện pháp lý phát sinh giữa anh T và chị Đ đối chiếu quy định của pháp luật thì có căn cứ khẳng định quan hệ hôn nhân giữa 2 anh, chị chưa được pháp luật thừa nhận.

Mặt khác, trong quá trình chung sống như vợ chồng, hai bên có phát sinh mâu thuẫn, anh, chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bên cạnh đó, cả anh T, chị Đ đều có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình. Bởi vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, không công nhận giữa anh và chị Đ là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống anh T, chị Đ có 03 (ba) con chung: Con trai đầu tên là Hoàng Văn L, sinh ngày 12/02/1991, con trai thứ hai là Hoàng Văn D, sinh ngày 16/6/1994 và con gái Hoàng Thị T, sinh ngày 14/4/1999. Hiện nay cả 3 cháu đều đã trưởng thành và có cuộc sống, gia đình

riêng. Nếu ly hôn thì các cháu muốn ở với ai thì tùy các cháu là phù hợp pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, cấp dưỡng giữa vợ và chồng*: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh T và chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết các mối quan hệ nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn không thay đổi yêu cầu, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh T là phù hợp. Khi anh T, chị Đ có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, công nợ, công sức của hai bên thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Anh Hoàng Văn T và chị Đinh Thị Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Hoàng Văn T và chị Đinh Thị Đ là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Xác nhận anh T, chị Đ có 03 (ba) con chung tên là: Hoàng Văn L, sinh ngày 12/02/1991, Hoàng Văn D, sinh ngày 16/6/1994 và Hoàng Thị T, sinh ngày 14/4/1999. Hiện nay cả 3 cháu đều đã trưởng thành và có cuộc sống, gia đình riêng. Khi ly hôn thì các cháu muốn ở với ai thì do quyền của các cháu.

[3] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, cấp dưỡng giữa vợ và chồng*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi anh T và chị Đ có yêu cầu giải quyết về các quan hệ nêu trên, thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ, việc khác.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001143, ngày 14/8/2019. Nay anh T đã nộp đủ án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được

niêm yết nơi chi Đ cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
 - Chi cục THADS huyện;
 - UBND xã Đ;
 - UBND xã P;
 - Các đương sự;
 - Lưu: HS, VP.
- } (Đề biết)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh